

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN YÊN THẾ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12/4/2023

V/v: "tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Ngọc Thắng

2. Ông Trần Hải Đăng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND huyện Yên Thế, Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Đình Ước - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2022/TLST-HNGĐ ngày 30/11/2022 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Quốc H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ dân phố ĐT, thị trấn CT, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn BH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

(Anh H và chị H1 đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn là anh Trần Quốc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh tự nguyện kết hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H1 năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CT, huyện TY. Sau khi kết hôn, chị H1 về chung sống cùng anh, vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về mọi lĩnh vực trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh nhau. Từ

tháng 8/2022 đến nay anh chị đã ly thân. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng, anh yêu cầu ly hôn chị H1.

- Về con chung: Anh và chị H1 có 01 con chung là Trần Ánh D, sinh ngày 10/5/2019, hiện tại cháu D đang do chị H1 chăm sóc nuôi dưỡng và đưa đón cho cháu đi học ở Trường mẫu giáo nơi chị H1 công tác. Khi ly hôn, anh đồng ý để cháu D ở với chị H1, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: anh không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị đã quen biết và tìm hiểu anh Trần Quốc H từ năm 2012. Đến năm 2016 chị kết hôn với anh H, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CT, huyện TY. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh H. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thi thoảng có mâu thuẫn cãi vã nhỏ nhưng đều bỏ qua cho nhau được. Từ năm 2019, anh H làm nghề cho vay tín chấp đã xa đà vào các cuộc vui chơi. Chị đã khuyên nhủ nhưng anh H không chấm dứt. Từ tháng 4/2022 anh H càng thường xuyên ham vui chơi hơn. Chị đã tham gia ý kiến với mẹ đẻ anh H để bà khuyên bảo cũng không được. Từ ngày 01/7/2022 đến nay anh chị đã ly thân. Nay chị vẫn còn rất nhiều tình cảm với anh H nên chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Chị và anh H có con chung là Trần Ánh D, sinh ngày 10/5/2019. Hiện tại cháu đang ở cùng anh chị. Nếu anh chị ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi cháu D và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Chị làm giáo viên mầm non và bán hàng online nên có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

- Về tài sản, công nợ: không có.

** Tại phiên tòa, anh H kiên quyết yêu cầu ly hôn chị H1, chị H1 không đồng ý ly hôn chị H1 vì muốn anh H thay đổi, không ham chơi để vợ chồng đoàn tụ và vì con nhưng chị thừa nhận không có cách nào thuyết phục được anh H thay đổi ý kiến. Anh chị đều thống nhất khi ly hôn thì để cháu D ở với chị H1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ.*

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H. Xử cho anh H được ly hôn chị H1. Giao cháu D cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: anh H nộp đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con với chị H1 có nơi làm việc, cư trú tại huyện Yên Thế. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp ly hôn, nuôi con” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị H1:

Anh H và chị H1 kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CT, huyện TY nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh H trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Theo chị H1 thì vợ chồng mâu thuẫn do anh H ham chơi. Anh chị đều thừa nhận, hai bên đã nhiều lần trao đổi tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không thành, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã thậm chí đánh nhau. Từ khoảng tháng 7 - 8/2022 đến nay mặc dù còn ở chung nhà nhưng anh chị đã ly thân. Nay anh H xác định không còn tình cảm vợ chồng, anh kiên quyết yêu cầu ly hôn chị H1. Chị H1 không đồng ý ly hôn vì muốn con chung của anh chị có bố có mẹ và chị cũng muốn anh H thay đổi nhưng chị không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng. Hiện tại mâu thuẫn càng trầm trọng và chị H1 đã về nhà đẻ sinh sống. Qua xác minh tại gia đình anh H cũng xác định được anh chị mâu thuẫn do chị H1 không thấu hiểu, thông cảm công việc của anh H là cần phải giao lưu phát triển công việc, chị H1 đã ghen tuông, xúc phạm, nói xấu anh H dẫn đến vợ chồng xô xát. Gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều nhưng không thay đổi được. Nay tuy sống cùng nhà nhưng anh chị không nói chuyện gì, người ở nhà trên người ở nhà dưới, gia đình anh H nhận định anh chị rất khó hòa thuận. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H, cho anh H ly hôn chị H1.

[3] Về việc nuôi con chung: anh H và chị H1 có 01 con chung là Trần Ánh D, sinh ngày 10/5/2019. Khi ly hôn, chị H1 yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D, anh H đồng ý với yêu cầu của chị H1. Hội đồng xét xử thấy, hiện tại cháu D đã theo chị H1 về nhà đẻ chung sống, cháu D đang được chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng ngày cháu được chị

H1 đưa đón đi học cùng Trường mầm non nơi chị công tác, cháu phát triển khỏe mạnh bình thường nên cần giữ sự ổn định cuộc sống của cháu. Chị H1 có nghề nghiệp và thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu D cho chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh và nguyện vọng của anh chị.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị H1 và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: anh H và chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh H và chị H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc H ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H1.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Ánh D, sinh ngày 10/5/2019.

- Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Quốc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu 0008963 ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh H và chị H1 có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- UBND thị trấn CT,
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Đăng